

PHÁP LỆNH
GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

(số 24/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29-9-2004)

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khoá X, kỳ họp thứ 10;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giám định tư pháp

Giám định tư pháp là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự (sau đây gọi chung là vụ án) do người giám định tư pháp thực hiện theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhằm phục vụ cho việc giải quyết các vụ án.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Pháp lệnh này quy định về tiêu chuẩn, quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp; tổ chức giám định tư pháp; trình tự, thủ tục trung cầu giám định, thực hiện giám định; phí giám định tư pháp và quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

2. Giám định không do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trung cầu và không nhằm phục vụ cho việc giải quyết các vụ án thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn.
2. Trung thực, chính xác, khách quan.
3. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề liên quan đến vụ án trong phạm vi được yêu cầu.
4. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về kết luận giám định.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động giám định tư pháp

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nghiêm cấm mọi hành vi can thiệp, cản trở trái pháp luật việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giám định tư pháp; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và có chính sách đãi ngộ đối với người thực hiện giám định tư pháp; bảo đảm về cơ sở vật chất, kỹ thuật cho tổ chức giám định tư pháp.

Điều 6. Áp dụng điều ước quốc tế

1. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Trong trường hợp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa ký kết hoặc chưa gia nhập điều ước quốc tế có liên quan thì việc hợp tác quốc tế trong hoạt động giám định tư pháp được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại, nhưng không trái pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Chương II

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 7. Người giám định tư pháp

Người giám định tư pháp bao gồm:

1. Giám định viên tư pháp;
2. Người giám định tư pháp theo vụ việc.

Điều 8. Giám định viên tư pháp

1. Giám định viên tư pháp là người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp theo quy định của Pháp lệnh này.

2. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn theo ngành đã học từ năm năm trở lên;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt;

c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Những người sau đây không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;

b) Đang bị quản chế hành chính;

c) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

4. Giám định viên tư pháp có thể làm việc trong tổ chức giám định tư pháp, tổ chức chuyên môn.

Điều 9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp

1. Việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp được thực hiện trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự, tài chính - kế toán, xây dựng, văn hoá, môi trường và các lĩnh vực cần thiết khác.

2. Giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 8 của Pháp lệnh này;
- b) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên do cố ý vi phạm trong hoạt động chuyên môn hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp;
- c) Bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về giám định tư pháp;
- d) Vi phạm quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở trung ương trong lĩnh vực thuộc Bộ, ngành mình quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở chuyên môn.

Điều 10. Thẻ giám định viên tư pháp

1. Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp thì được Bộ Tư pháp cấp thẻ giám định viên tư pháp theo đề nghị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp thẻ giám định viên tư pháp của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm cấp thẻ giám định viên tư pháp cho người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

3. Bộ Tư pháp lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp.

4. Bộ Tư pháp thu hồi thẻ giám định viên tư pháp của giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 11. Người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Người không phải là giám định viên tư pháp nhưng có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 8 và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 của Pháp lệnh này có thể được trưng cầu thực hiện giám định tư pháp theo vụ việc.

2. Trong trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực cần giám định và có uy tín trong lĩnh vực đó thì có thể được trưng cầu thực hiện giám định tư pháp theo vụ việc.

3. Bộ Tư pháp lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo đề nghị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Quyền của người giám định tư pháp

1. Yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định (sau đây gọi chung là người trưng cầu giám định) cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến đối tượng giám định.

2. Lựa chọn phương pháp cần thiết và phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung yêu cầu giám định.

3. Sử dụng kết quả xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định.

4. Độc lập đưa ra kết luận giám định.

5. Từ chối giám định trong trường hợp đối tượng giám định, các tài liệu liên quan được cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định; thời gian không đủ để thực hiện giám định hoặc có lý do chính đáng khác.

6. Được bảo đảm an toàn khi thực hiện giám định hoặc khi tham gia tố tụng với tư cách là người giám định tư pháp.

7. Người giám định tư pháp là người hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được hưởng phụ cấp và các khoản bồi dưỡng khác theo quy định của pháp luật.

Người giám định tư pháp là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được hưởng thù lao giám định tư pháp.

Chính phủ quy định cụ thể chế độ phụ cấp, bồi dưỡng và thù lao đối với người giám định tư pháp.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 13. Nghĩa vụ của người giám định tư pháp

1. Tuân thủ các nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp.

2. Thực hiện giám định theo đúng nội dung yêu cầu giám định.

3. Thực hiện giám định theo đúng thời hạn yêu cầu; trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định thì phải thông báo kịp thời cho cơ quan trưng cầu giám định, người trưng cầu giám định biết.

4. Lập hồ sơ giám định.

5. Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng và giải thích kết luận giám định khi có yêu cầu.

6. Bảo quản các mẫu vật giám định, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định.

7. Giữ bí mật về kết quả giám định, thông tin và tài liệu giám định.

8. Từ chối giám định trong những trường hợp quy định tại Điều 37 của Pháp lệnh này.

9. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 14. Những hành vi bị nghiêm cấm đối với người giám định tư pháp

1. Từ chối kết luận giám định mà không có lý do chính đáng.

2. Cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật.

3. Lợi dụng việc thực hiện giám định để trục lợi.

4. Tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết được khi tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người giám định tư pháp; tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định đối với các vụ án khác.

Chương III

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 15. Thành lập tổ chức giám định tư pháp

Tổ chức giám định tư pháp được thành lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự.

Điều 16. Tổ chức giám định pháp y

1. Viện Pháp y quốc gia.
2. Trung tâm Pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Viện Pháp y quân đội, Trung tâm Pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự của Bộ Công an.

Điều 17. Viện Pháp y quốc gia

1. Viện Pháp y quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Y tế và trực thuộc Bộ Y tế.
2. Viện Pháp y quốc gia là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản và trụ sở riêng.

Điều 18. Trung tâm pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Trung tâm Pháp y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Trung tâm Pháp y) theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Y tế và trực thuộc Sở Y tế.

Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa thành lập Trung tâm Pháp y thì có bộ phận giám định pháp y thuộc Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

2. Trung tâm Pháp y là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và đặt tại Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

Điều 19. Giám định pháp y trong Quân đội và ngành Công an

1. Bộ Quốc phòng có Viện Pháp y quân đội.

Bệnh viện cấp quân khu có giám định viên pháp y.

2. Bộ Công an có Trung tâm Pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự.

Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giám định viên pháp y.

Điều 20. Tổ chức giám định pháp y tâm thần

1. Viện Giám định pháp y tâm thần trung ương được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp và trực thuộc Bộ Y tế.

Viện Giám định pháp y tâm thần Trung ương là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng.

2. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Bệnh viện tâm thần cấp tỉnh thì thành lập Trung tâm Giám định pháp y tâm thần trực thuộc Bệnh viện đó để thực hiện giám định pháp y tâm thần.

Trung tâm Giám định pháp y tâm thần do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp, sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Y tế và trực thuộc Sở Y tế.

Trung tâm Giám định pháp y tâm thần là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng.

Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có Bệnh viện tâm thần cấp tỉnh thì Trung tâm Phòng chống các bệnh xã hội hoặc Khoa tâm thần thuộc Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh thực hiện giám định pháp y tâm thần khi được trưng cầu.

3. Bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng và Bệnh viện cấp quân khu có giám định viên pháp y tâm thần.

Điều 21. Tổ chức giám định kỹ thuật hình sự

1. Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an.
2. Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Tổ chức kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 22. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của tổ chức giám định tư pháp

Chính phủ quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20 và 21 của Pháp lệnh này.

Điều 23. Bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động giám định tư pháp

1. Kinh phí, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện vật chất cần thiết khác cho hoạt động của tổ chức giám định tư pháp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức chuyên môn có trách nhiệm tạo điều kiện cho người giám định tư pháp sử dụng trang thiết bị, phương tiện của tổ chức mình để phục vụ việc thực hiện giám định.

Chương IV **HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

Điều 24. Trưng cầu giám định tư pháp

1. Người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức sau đây:
 - a) Người giám định tư pháp quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh này;
 - b) Tổ chức giám định tư pháp quy định tại Chương III của Pháp lệnh này;
 - c) Tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện về chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định.

2. Trong trường hợp khả năng chuyên môn, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện giám định của tổ chức giám định tư pháp, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp trong nước không đáp ứng được yêu cầu giám định thì cơ quan tiến hành tố tụng cấp dưới đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương của mình quyết định việc trưng cầu cá nhân, tổ chức giám định nước ngoài. Việc trưng cầu cá nhân, tổ chức giám định nước ngoài được thực hiện thông qua Bộ Tư pháp.

Điều 25. Quyền của người trưng cầu giám định

1. Trưng cầu tổ chức hoặc cá nhân thực hiện giám định.
2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân nhận trưng cầu giám định trả kết luận giám định đúng nội dung yêu cầu và thời hạn.
3. Yêu cầu người giám định tư pháp giải thích kết luận giám định.
4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 26. Nghĩa vụ của người trưng cầu giám định

1. Trưng cầu giám định bằng văn bản.
2. Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của người giám định tư pháp.
3. Tạm ứng chi phí giám định khi cá nhân, tổ chức nhận trưng cầu giám định tư pháp có yêu cầu.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 27. Văn bản trưng cầu giám định

1. Văn bản trưng cầu giám định có nội dung chính sau đây:
 - a) Tên cơ quan trưng cầu giám định; họ, tên người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định;
 - b) Tên tổ chức; họ, tên người được trưng cầu giám định;
 - c) Tóm tắt sự việc có liên quan đến đối tượng cần giám định;
 - d) Nguồn gốc và đặc điểm của đối tượng giám định;
 - đ) Tên các tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo;
 - e) Nội dung yêu cầu giám định;
 - g) Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định.
2. Trong trường hợp trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại thì văn bản trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại.

Điều 28. Nhận trưng cầu giám định

1. Tổ chức giám định tư pháp, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện việc giám định do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng ở cấp huyện, cấp tỉnh và cấp Trung ương trưng cầu.
2. Tổ chức giám định tư pháp, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện việc giám định do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng ở cấp Trung ương trưng cầu và

các việc giám định phức tạp do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng ở cấp huyện, cấp tỉnh trung cầu.

3. Tổ chức giám định tư pháp, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp phải từ chối nhận trung cầu giám định nếu không có đủ trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định, nội dung yêu cầu giám định không thuộc chuyên môn hoặc vượt quá khả năng chuyên môn của mình.

4. Căn cứ vào quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc tiếp nhận trung cầu giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quân đội.

Điều 29. Giao, nhận đối tượng giám định

1. Trong trường hợp việc trung cầu giám định có kèm theo đối tượng giám định thì việc giao, nhận đối tượng giám định phải được lập thành biên bản. Biên bản giao, nhận đối tượng giám định có nội dung chính sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm giao, nhận đối tượng giám định;
- b) Họ, tên người đại diện của bên giao và bên nhận đối tượng giám định;
- c) Tên đối tượng giám định;
- d) Cách thức bảo quản đối tượng giám định khi giao, nhận;
- đ) Tình trạng đối tượng giám định khi giao, nhận;
- e) Tài liệu hoặc đồ vật liên quan;
- g) Chữ ký của bên giao và bên nhận đối tượng giám định.

2. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau khi việc giám định đã hoàn thành được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 30. Thực hiện giám định

1. Trong trường hợp tổ chức giám định tư pháp hoặc tổ chức chuyên môn được trung cầu giám định thì người đứng đầu tổ chức đó cử người thực hiện giám định và chịu trách nhiệm về việc cử người đó. Người thực hiện giám định chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về kết luận giám định.

2. Trong trường hợp cá nhân được trung cầu giám định thì người đó tiếp nhận và thực hiện việc giám định. Người đứng đầu tổ chức chủ quản có trách nhiệm tạo điều kiện cho người giám định tư pháp thực hiện giám định.

Điều 31. Giám định cá nhân, giám định tập thể

1. Giám định cá nhân là việc giám định do một người thực hiện. Giám định tập thể là việc giám định do hai người trở lên thực hiện.

2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì người giám định thực hiện toàn bộ việc giám định và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình.

3. Trong trường hợp giám định tập thể về một lĩnh vực chuyên môn thì những người giám định cùng thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó; nếu có ý kiến khác nhau thì mỗi người giám định ghi riêng ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận giám định chung và chịu trách nhiệm về ý kiến đó.

Trong trường hợp giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm về kết luận giám định của mình.

Điều 32. Giám định bổ sung

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án đã được kết luận giám định trước đó.

2. Việc giám định bổ sung có thể do người giám định tư pháp trước đó hoặc người giám định tư pháp khác thực hiện.

Điều 33. Giám định lại

1. Việc giám định lại được thực hiện theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong trường hợp có nghi ngờ về kết quả giám định hoặc có mâu thuẫn giữa các kết luận giám định về cùng một vấn đề cần giám định. Việc giám định lại có thể do người đã giám định trước đó hoặc do người giám định khác thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một vấn đề cần giám định thì việc giám định lại lần thứ hai phải do Hội đồng giám định thực hiện. Hội đồng giám định do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quản lý về lĩnh vực cần giám định quyết định thành lập. Hội đồng giám định gồm có ít nhất ba thành viên là những người có trình độ chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định.

3. Trong trường hợp Hội đồng giám định quy định tại khoản 2 Điều này đã thực hiện giám định lại lần thứ hai thì không thực hiện giám định lại nữa, trừ trường hợp đặc biệt do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quyết định.

Điều 34. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định

1. Người thực hiện giám định phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình thực hiện giám định bằng văn bản.

2. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định phải được lưu trong hồ sơ giám định.

Điều 35. Kết luận giám định

1. Kết luận giám định phải được lập thành văn bản và có nội dung chính sau đây:

- a) Họ, tên người thực hiện giám định;
- b) Tên cơ quan tiến hành tố tụng hoặc họ, tên người tiến hành tố tụng trung cầu giám định; số văn bản trung cầu giám định;
- c) Thời gian nhận văn bản trung cầu giám định;
- d) Nội dung yêu cầu giám định;
- đ) Phương pháp thực hiện giám định;
- e) Kết luận về đối tượng giám định;
- g) Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định.

2. Bản kết luận giám định phải có chữ ký của người giám định tư pháp; trong trường hợp tổ chức được trung cầu giám định thì bản kết luận giám định còn phải được người đứng đầu tổ chức đó ký tên, đóng dấu.

3. Trong trường hợp việc giám định được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng và Pháp lệnh này quy định thì cơ quan tiến hành tố tụng có thể không trưng cầu giám định nữa mà sử dụng kết luận giám định đó như kết luận giám định tư pháp.

Điều 36. Hồ sơ giám định

1. Hồ sơ giám định do người giám định tư pháp lập và gồm có các tài liệu sau đây:

- a) Quyết định trưng cầu giám định;
- b) Biên bản giao, nhận đối tượng giám định;
- c) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định;
- d) Bản ảnh giám định;

đ) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện;

- e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc giám định;
- g) Kết luận giám định.

2. Hồ sơ giám định được lưu giữ ít nhất ba mươi năm, kể từ ngày kết thúc việc giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tổ chức giám định tư pháp, tổ chức chuyên môn chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ giám định do người giám định tư pháp thuộc tổ chức mình thực hiện.

3. Hồ sơ giám định phải được xuất trình theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đang giải quyết vụ án.

Điều 37. Những trường hợp không được thực hiện giám định tư pháp

Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định tư pháp:

1. Đã tiến hành tố tụng với tư cách là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án hoặc đã tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người phiên dịch trong vụ án đó;

2. Đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo;

3. Được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong một vụ án mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

4. Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng người đó có thể không vô tư trong khi thực hiện giám định.

Chương V
PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 38. Phí giám định tư pháp

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp được thu phí giám định tư pháp.

2. Phí giám định tư pháp là khoản tiền chi trả cho thù lao giám định tư pháp và các chi phí cần thiết khác cho việc thực hiện giám định theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 39. Trả phí giám định tư pháp

1. Đối với các vụ án hình sự, phí giám định tư pháp do cơ quan tiến hành tố tụng trả và được cấp từ ngân sách nhà nước theo dự toán hàng năm của cơ quan đó.

2. Đối với các vụ việc dân sự, vụ án hành chính thì phí giám định tư pháp do đương sự chịu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật tố tụng hành chính.

Trong trường hợp đương sự phải chịu phí giám định tư pháp thuộc diện nghèo, đối tượng chính sách thì có thể được miễn hoặc giảm phí giám định tư pháp theo quy định của Chính phủ.

Điều 40. Quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp

Căn cứ vào pháp luật về phí và lệ phí, Chính phủ quy định cụ thể việc quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 41. Nội dung quản lý nhà nước về giám định tư pháp

1. Ban hành và hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp.

2. Thành lập tổ chức giám định tư pháp.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc.

4. Xây dựng các quy chuẩn chuyên môn giám định tư pháp.

5. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp.

6. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về giám định tư pháp.

7. Bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động và điều kiện vật chất cho hoạt động giám định tư pháp.

8. Hợp tác quốc tế về giám định tư pháp.

Điều 42. Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thực hiện quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

3. Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc quản lý về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý.

4. Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành hữu quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong việc quản lý nhà nước về giám định tư pháp

1. Ban hành hoặc soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp và hướng dẫn thi hành các văn bản đó.

2. Cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; lập và công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc.

3. Ban hành và hướng dẫn sử dụng các mẫu văn bản giám định tư pháp.

4. Xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp.

5. Thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về giám định tư pháp.

6. Tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc quản lý về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý

1. Thành lập tổ chức giám định tư pháp theo thẩm quyền.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc thuộc Bộ, ngành mình quản lý.

3. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền.

4. Xây dựng các quy chuẩn chuyên môn giám định tư pháp.

5. Bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động và các điều kiện vật chất cần thiết khác cho hoạt động giám định tư pháp.

6. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp.

7. Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo thẩm quyền.

8. Tổng kết, báo cáo Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

9. Hợp tác quốc tế về giám định tư pháp thuộc lĩnh vực Bộ, ngành mình quản lý.

Điều 45. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý nhà nước về giám định tư pháp

1. Quyết định thành lập tổ chức giám định tư pháp theo thẩm quyền.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương.

3. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền.

4. Bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động và các điều kiện vật chất cần thiết khác cho hoạt động giám định tư pháp ở địa phương.

5. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp ở địa phương.

6. Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp theo thẩm quyền.

7. Tổng kết, báo cáo Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở địa phương.

Điều 46. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực giám định tư pháp khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải quyết khiếu nại về giám định tư pháp quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Trong trường hợp người tham gia tố tụng có căn cứ cho rằng kết luận giám định tư pháp không chính xác, không khách quan, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì có quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trung cầu giám định lại. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải ra quyết định hoặc từ chối yêu cầu việc trung cầu giám định lại; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do cho người yêu cầu bằng văn bản.

Trong trường hợp người yêu cầu không đồng ý với việc từ chối trung cầu giám định lại của Cơ quan điều tra thì có quyền khiếu nại đến Viện Kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện Kiểm sát cùng cấp phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết khiếu nại của Viện Kiểm sát cùng cấp là quyết định cuối cùng.

Trong trường hợp người yêu cầu không đồng ý với việc từ chối trung cầu giám định lại của Viện Kiểm sát, Toà án thì có quyền khiếu nại đến Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp, Toà án cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện Kiểm sát, Toà án phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết khiếu nại của Viện Kiểm sát cấp trên, Toà án cấp trên là quyết định cuối cùng.

3. Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm quy định của Pháp lệnh này của người giám định tư pháp.

Việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

Nghị định số 117/HĐBT ngày 21 tháng 7 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về giám định tư pháp hết hiệu lực kể từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành.

Điều 48. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này./.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An